

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

---

**Tháng 3 năm 2022**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 61

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Thành viên - Phụ trách Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Văn Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2022)
Ông Trần Hải Bằng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Chu Thanh Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2021)
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2022)
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày 06/8/2021 là Ông Lương Đình Thành - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phụ trách Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 06/8/2021 thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Từ Giang - Tổng Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,  
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

---

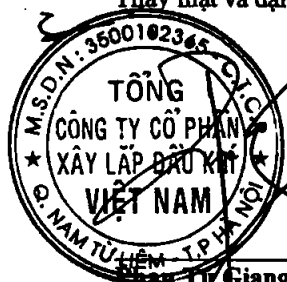
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phan Tu Giang**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 214/VACO/BCKIT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### *Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.881,6 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 3.957,6 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 503 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 433,3 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 623,4 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 735,8 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Trong tháng 5 năm 2021, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("Petroland") thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petroland, và trong tháng 12/2021 Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Petroland. Các xử lý kế toán tại thời điểm chuyển Petroland thành công ty liên kết cũng như chuyển nhượng khoản đầu tư tại Petroland được xác định trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 31/3/2021 và Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 chưa được kiểm toán. Các Báo cáo tài chính này cũng chưa xử lý các vấn đề kiểm toán viên ngoại trừ trên Báo cáo tài chính của Petroland cho năm tài chính 2019 và 2020. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu báo cáo tài chính của Petroland tại các thời điểm nêu trên, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề ngoại trừ năm 2019 và 2020 đến các xử lý kế toán trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trừ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các Công ty liên kết còn lại, theo đó giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết này đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu báo cáo tài chính của các Công ty này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)*

4. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có số dư khoản cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu về cho vay này tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2021 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và để nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
7. Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 53 tỷ VND và 18,2 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 49,7 tỷ VND và 18,2 tỷ VND) (dự phòng đầu tư vào các Công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được). Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
8. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, số dư hàng hóa bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty bao gồm công trình Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình với giá trị ghi sổ khoảng 36,3 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 36,3 tỷ VND). Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
9. Tại ngày 31/12/2021, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 65,74 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 64,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)*

10. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, số dư khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) vào dự án “Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội” (Dự án Dolphin Plaza) là khoảng 37,1 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020 là khoảng 37,1 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không do Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và chưa được quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
11. Trong năm 2021, Công ty con - Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí đã thực hiện điều chỉnh giảm nợ phải thu/doanh thu (với số tiền khoảng 56,1 tỷ VND) và giảm dự phòng phải thu khó đòi/chi phí quản lý doanh nghiệp (với số tiền khoảng 61,7 tỷ VND) theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/6/2021 liên quan đến Ban Quản lý dự án công trình DKI. Dự án đã hoàn thành, nghiệm thu và ghi nhận doanh thu từ 2017, do đó, nếu Công ty con thực hiện hồi tố Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì:
- Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 khoản mục “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” sẽ tăng lên 56,1 tỷ VND, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng lên 61,7 tỷ VND và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi 5,6 tỷ VND.
  - Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020 khoản mục “Phải thu khách hàng ngắn hạn” và khoản mục “Dự phòng phải thu khó đòi” sẽ cùng giảm đi 61,7 tỷ VND, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” sẽ giảm đi 5,6 tỷ VND và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” sẽ tăng lên 5,6 tỷ VND.

### *Từ chối đưa ra ý kiến*

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.
- Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các quy định hiện hành để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Việc từ chối đưa ra kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Lê Xuân Thăng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.030.266.336.728</b>	<b>6.075.301.661.812</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>389.565.231.203</b>	<b>282.253.910.286</b>
1. Tiền	111		119.082.308.584	137.484.586.247
2. Các khoản tương đương tiền	112		270.482.922.619	144.769.324.039
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>286.627.744.812</b>	<b>173.702.182.192</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.900.000.000	15.071.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		285.612.744.812	172.516.182.192
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.505.178.605.362</b>	<b>2.756.922.220.327</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.343.742.396.316	2.441.282.967.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	519.685.598.262	531.758.814.629
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		1.553.515.662	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	371.489.653.344	375.924.956.451
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	394.465.127.751	720.964.425.709
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.126.635.381.423)	(1.313.886.639.763)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		877.695.450	877.695.450
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.720.858.070.044</b>	<b>2.717.475.550.445</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.876.667.985.317	2.920.603.586.188
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(155.809.915.273)	(203.128.035.743)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>128.036.685.307</b>	<b>144.947.798.562</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.480.219.692	1.616.072.270
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		88.259.569.316	90.377.725.291
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	35.296.896.299	49.954.001.001
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		3.000.000.000	3.000.000.000



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.558.773.617.689</b>	<b>1.908.939.190.270</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.981.259.000</b>	<b>92.354.160.244</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	76.428.778.072
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	18.643.352.360	19.387.475.532
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	21.838.136.423	24.238.136.423
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(24.500.229.783)	(27.700.229.783)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.074.092.823.193</b>	<b>1.237.234.312.788</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	812.803.926.968	960.237.949.067
- Nguyên giá	222		1.637.060.465.064	1.761.697.522.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(824.256.538.096)	(801.459.573.385)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	261.288.896.225	276.996.363.721
- Nguyên giá	228		288.905.440.726	306.922.171.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.616.544.501)	(29.925.807.331)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>83.507.680.050</b>	<b>175.799.951.843</b>
- Nguyên giá	231		108.717.372.483	212.906.923.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.209.692.433)	(37.106.971.824)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>145.654.889.656</b>	<b>146.736.871.474</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		25.064.213.539	25.064.213.539
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		120.590.676.117	121.672.657.935
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>70.483.753.786</b>	<b>70.504.603.307</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	33.869.362.776	33.874.083.734
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	203.313.000.000	203.313.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(166.698.608.990)	(166.682.480.427)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>169.053.212.004</b>	<b>186.309.290.614</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	102.054.386.992	116.885.294.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		16.529.942.280	18.446.829.027
3. Tài sản dài hạn khác	268	20	49.997.739.734	49.997.739.734
4. Lợi thế thương mại	269	21	471.142.998	979.427.299
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.589.039.954.417</b>	<b>7.984.240.852.082</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.740.728.069.102</b>	<b>6.745.677.224.170</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.533.219.612.336</b>	<b>6.508.616.520.393</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	3.140.545.442.959	3.359.585.516.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	190.114.381.041	265.743.871.262
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	146.049.413.093	113.097.544.587
4. Phải trả người lao động	314		66.745.362.326	66.730.236.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	593.037.311.868	889.131.926.330
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.339.391.620	2.997.412.052
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	26	538.448.384.266	691.839.166.028
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	856.711.948.372	1.117.584.845.931
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.831.227.000	4.037.377.467
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(2.603.250.209)	(2.131.376.209)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>207.508.456.766</b>	<b>237.060.703.777</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	25	72.686.317.725	72.686.317.725
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		55.464.061.821	62.482.079.943
3. Phải trả dài hạn khác	337	26	1.421.588.636	13.514.977.172
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28	62.417.400.000	74.473.084.621
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		15.519.088.584	13.904.244.316
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>848.311.885.315</b>	<b>1.238.563.627.912</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>848.311.885.315</b>	<b>1.238.563.627.912</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.831.719.482	6.831.719.482
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.063.276.245	3.063.276.245
4. Cổ phiếu quỹ	415		(29.720.195)	(2.862.805.993)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		150.859.427.814	157.678.294.436
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421		(3.881.614.450.193)	(3.957.601.514.707)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.954.179.184.086)	(3.860.584.276.385)
- Lãi/(Lỗ) năm nay	421b		72.564.733.893	(97.017.238.322)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		567.039.219.930	1.029.292.246.217
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.589.039.954.417</b>	<b>7.984.240.852.082</b>

Nguyễn Thị Thu Anh  
 Người lập biểu

Vũ Minh Công  
 Kế toán trưởng




Phạm Tử Giang  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.062.745.839.220	1.565.679.343.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	235.395.000	10.751.928.903
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.062.510.444.220	1.554.927.414.109
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	2.158.452.769.973	1.565.080.101.254
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(95.942.325.753)	(10.152.687.145)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	181.364.938.325	53.253.640.805
7. Chi phí tài chính	22	35	59.543.898.696	32.125.565.633
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.198.879.391	59.021.773.917
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		11.978.272.750	(936.879.598)
9. Chi phí bán hàng	25		67.946.000	161.195.364
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	17.859.060.518	181.574.398.622
11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		19.929.980.108	(171.697.085.557)
12. Thu nhập khác	31		33.701.883.796	20.094.193.566
13. Chi phí khác	32		8.559.764.007	18.489.682.152
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		25.142.119.789	1.604.511.414
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		45.072.099.897	(170.092.574.143)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	(1.100.009.228)
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	52		1.916.886.748	(1.536.307.030)
18. Lãi/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		43.155.213.149	(167.456.257.885)
18.1 Lãi/(Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61		72.564.733.893	(97.017.238.322)
18.2 (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(29.409.520.744)	(70.439.019.563)
19. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	38	181	(243)

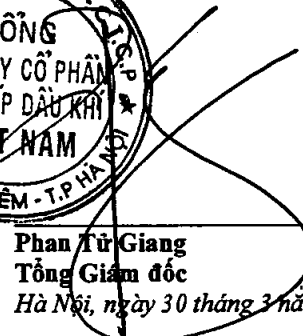


Nguyễn Thị Thu Anh  
 Người lập biểu



Vũ Minh Công  
 Kế toán trưởng



  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	45.072.099.897	(170.092.574.143)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	65.117.797.115	83.400.282.681
Các khoản dự phòng	03	(179.987.059.046)	(15.852.225.022)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.534.967.985	110.294.958
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(194.536.454.241)	(52.646.778.530)
Chi phí lãi vay	06	49.198.879.391	59.021.773.917
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(212.599.768.899)	(96.059.226.139)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(130.446.060.587)	323.073.272.220
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	895.000.110.773	(264.555.565.876)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(286.981.439.215)	(154.106.848.194)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	14.887.773.811	(10.252.033.785)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	171.000.000	136.068.065.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.413.982.606)	(36.588.726.001)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.940.424.870	8.826.896.405
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.615.650.685)	(21.997.139.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	219.942.407.462	(115.591.306.079)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(816.470.953)	(3.197.413.434)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.908.650.313	6.431.156.127
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(314.344.061.094)	(33.305.590.632)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	49.414.013.019	124.923.479.626
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác (đã trừ đi số dư Tiền và tương đương tiền tại thời điểm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí chuyển thành công ty liên kết)	26	419.612.370.870	51.561.019.247
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.545.875.826	19.919.601.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	160.320.377.981	166.332.252.025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước (Trình bày lại)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	629.084.522.220	422.745.839.895
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(902.013.104.400)	(543.617.449.293)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(13.488.905.204)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.280.000)	(49.481.890)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(272.949.862.180)</i>	<i>(134.409.996.492)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>107.312.923.263</i>	<i>(83.669.050.546)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>282.253.910.286</i>	<i>366.003.692.125</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>(1.602.346)</i>	<i>(80.731.293)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>389.565.231.203</i>	<i>282.253.910.286</i>



Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu


Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng

Phạm Tử Giang  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường; công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam;
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester;
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ; và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 07 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

Trong năm, Tổng Công ty không còn quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("PTL") thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PTL. Theo đó, khoản đầu tư vào PTL được phân-loại thành khoản đầu tư vào Công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ Quý 2/2021.

Thông tin chi tiết về giá trị tài sản thuần của PTL tại thời điểm chuyển thành Công ty liên kết như sau:

	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Đô thị Dầu khí</b>
<b>TÀI SẢN</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.377.952.315
Đầu tư tài chính ngắn hạn	153.526.430.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	539.599.349.905
Hàng tồn kho	148.935.490.098
Tài sản ngắn hạn khác	21.009.340.217
Các khoản phải thu dài hạn	76.428.778.072
Tài sản cố định	101.329.467.394
Bất động sản đầu tư	91.063.319.718
Tài sản dở dang dài hạn	3.557.474.402
Tài sản dài hạn khác	69.869.679
	<b>1.156.897.471.829</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Đô thị Dầu khí</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>427.467.140.451</b>
Nợ ngắn hạn	409.622.626.912
Nợ dài hạn	17.844.513.539
<b>TÀI SẢN THUẦN</b>	<b>729.430.331.378</b>

Trong tháng 12/2021, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của PTL thông qua sàn giao dịch chứng khoán với giá phí chuyển nhượng là 421 tỷ VND, theo đó một khoản lãi từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư tại PTL đã được ghi nhận với số tiền là 173 tỷ VND (Thuyết minh số 34).

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Một số số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 42.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.881,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.957,6 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 503 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 433,3 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 623,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 735,8 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, trừ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các Công ty liên kết còn lại, theo đó giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết này đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản cố khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí Quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 5 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng và văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)**

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Chi phí đi vay**

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày tại Thuyết minh số 39.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
Tiền mặt	3.188.341.515	6.855.046.166
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	115.893.967.069	130.629.540.081
Các khoản tương đương tiền (ii)	270.482.922.619	144.769.324.039
	<b>389.565.231.203</b>	<b>282.253.910.286</b>

**Ghi chú:**

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm số tiền khoảng 2,8 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 32,6 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 45,3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 97,6 tỷ VND) gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.900.000.000	13.885.000.000	15.071.000.000	13.885.000.000
Khác	300.000.000	-	471.000.000	-
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	285.612.744.812	-	172.516.182.192	-

**Ghi chú:**

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>2.343.742.396.316</b>	<b>2.441.282.967.851</b>
Phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 39)	1.818.388.575.334	1.699.048.932.800
Ban Quản lý Dự án công trình DK I	19.269.012.750	116.734.967.999
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	129.917.806.398	140.188.201.458
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	130.681.828.481	108.251.012.834
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	245.485.173.353	377.059.852.760
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	-	<b>76.428.778.072</b>
Phải thu khách hàng dài hạn khác	-	76.428.778.072
	<b>2.343.742.396.316</b>	<b>2.517.711.745.923</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>519.685.598.262</b>	<b>531.758.814.629</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO)	113.386.879.741	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	94.196.241.641
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	43.006.213.439
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Các khoản khác	200.893.535.188	238.953.610.508
<b>b. Dài hạn</b>	<b>18.643.352.360</b>	<b>19.387.475.532</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	5.945.337.557	6.745.337.557
Các nhà cung cấp khác	12.698.014.803	12.642.137.975
	<b>538.328.950.622</b>	<b>551.146.290.161</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	140.610.703.253	140.610.703.253	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	19.881.280.356	9.791.327.013	22.623.638.889	11.162.506.280
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
<b>Tổng cộng</b>	<b>371.489.653.344</b>	<b>285.755.850.004</b>	<b>375.924.956.451</b>	<b>288.819.973.845</b>

**Ghi chú:**

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với Oceanbank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (“Khách sạn Lam Kinh”) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên sau khi được gia hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>394.465.127.751</b>	<b>720.964.425.709</b>
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	30.183.984.454	96.561.351.053
- Ký cược, ký quỹ	17.611.280.695	9.847.002.201
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	42.373.709.249
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	-	147.494.400.000
- Phải thu ngắn hạn khác	303.899.547.777	424.687.963.206
<b>b. Dài hạn</b>	<b>21.838.136.423</b>	<b>24.238.136.423</b>
- Ký cược, ký quỹ	10.224.674.698	11.954.812.698
- Phải thu dài hạn khác	11.613.461.725	12.283.323.725
	<b>416.303.264.174</b>	<b>745.202.562.132</b>

**Ghi chú:**

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 40).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM****MÃ SỐ B 09-DN/HN**Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,  
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt NamBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. NỢ XẤU**

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.969.964.705	-	208.969.964.705	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	167.769.556.408	-	169.462.500.982	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	67.741.628.426	26.249.851.754	88.615.572.243	24.658.993.267
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.939.674.972	41.510.769	75.939.674.972	41.510.769
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.539.737.388	-	58.705.694.299	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	46.748.000.242	-	46.748.000.242	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO)	60.650.027.477	6.714.619.343	60.650.027.447	6.714.619.313
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 39	34.868.038.765	1.157.116.118	35.925.998.583	1.057.959.818
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn)	30.394.484.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty Cổ phần Hasky	18.600.000.000	2.760.000.000	21.000.000.000	14.250.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	11.613.461.725	-	14.013.461.725	-
Tổng Công ty khí Việt Nam	9.446.793.928	-	9.478.456.144	-
Ban Quản lý dự án 5B - Cảng xuất Sản phẩm Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	3.658.243.771	-	3.658.243.771	-
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	6.727.169.436	-	6.727.169.436	-
Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

**Ghi chú:**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.031.645.404	2.415.127.943	20.920.808.071	4.062.015.782
Công cụ, dụng cụ	5.773.244.583	126.922.432	6.482.075.874	207.943.586
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	1.780.954.400.239	131.363.428.170	2.533.913.629.611	126.867.766.220
Hàng hoá	34.300.986.728	21.904.436.728	248.495.596.775	21.904.436.728
Hàng hoá bất động sản	42.607.708.363	-	110.791.475.857	50.085.873.427
<i>Trong đó:</i>				
- <i>Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình (ii)</i>	36.302.881.834	-	36.302.881.834	-
- <i>Khác</i>	6.304.826.529	-	74.488.594.023	50.085.873.427
	<b>1.876.667.985.317</b>	<b>155.809.915.273</b>	<b>2.920.603.586.188</b>	<b>203.128.035.743</b>

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.193.803.057.666	118.993.127.002	1.741.343.918.315	114.454.920.570
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	-	245.057.868.468	-
Chung cư cao tầng Mỹ Phú	-	-	37.877.315.629	-
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	33.416.632.253	-	31.037.331.750	-
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	125.201.374.004	12.370.301.168	122.112.467.308	12.370.301.168
Dự án Hóa dầu Long Sơn	137.716.556.924	-	295.182.758.382	-
Các công trình khác	45.758.910.924	-	61.301.969.759	42.544.482
	<b>1.780.954.400.239</b>	<b>131.363.428.170</b>	<b>2.533.913.629.611</b>	<b>126.867.766.220</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,  
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

- (\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 41, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là hàng hóa bất động sản công trình Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	368.846.969	833.406.369
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.111.372.723	782.665.901
	<b>1.480.219.692</b>	<b>1.616.072.270</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình (i)	84.220.991.796	86.313.551.892
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	9.387.449.665	10.692.472.345
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	7.210.756.921	18.342.183.244
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản	-	1.403.406.666
Lợi thế kinh doanh	-	133.680.407
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.235.188.610	-
	<b>102.054.386.992</b>	<b>116.885.294.554</b>

**Ghi chú:**

- (i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	1.251.932.918.918	346.909.158.396	128.895.521.323	33.959.923.815	1.761.697.522.452
Mua sắm mới	282.947.724	-	-	122.354.545	405.302.269
Tăng từ bất động sản đầu tư	469.562.845	-	-	-	469.562.845
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.651.073.563)				(2.651.073.563)
Thanh lý, nhượng bán		(7.651.642.636)	(3.894.190.370)	(892.859.500)	(12.438.692.506)
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(105.565.750.605)		(3.487.150.036)	(1.369.255.792)	(110.422.156.433)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.144.468.605.319</b>	<b>339.257.515.760</b>	<b>121.514.180.917</b>	<b>31.820.163.068</b>	<b>1.637.060.465.064</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	369.575.694.499	276.964.685.768	121.730.943.092	33.188.250.026	801.459.573.385
Trích khấu hao trong năm	39.033.215.056	17.142.798.147	2.792.668.078	282.750.350	59.251.431.631
Tăng từ bất động sản đầu tư	148.227.256	-	-	-	148.227.256
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(799.049.123)				(799.049.123)
Thanh lý, nhượng bán		(7.621.892.041)	(3.894.190.370)	(892.859.500)	(12.408.941.911)
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(20.540.475.273)		(1.628.887.688)	(1.225.340.181)	(23.394.703.142)
<b>Số cuối năm</b>	<b>387.417.612.415</b>	<b>286.485.591.874</b>	<b>119.000.533.112</b>	<b>31.352.800.695</b>	<b>824.256.538.096</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	882.357.224.419	69.944.472.628	7.164.578.231	771.673.789	960.237.949.067
Tại ngày cuối năm	757.050.992.904	52.771.923.886	2.513.647.805	467.362.373	812.803.926.968

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 381,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 402 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 378,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 325,2 tỷ VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	286.112.630.670	20.809.540.382	306.922.171.052
Tăng khác	498.870.456	-	498.870.456
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(17.277.352.782)	(530.248.000)	(17.807.600.782)
Thanh lý, nhượng bán	-	(708.000.000)	(708.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>269.334.148.344</b>	<b>19.571.292.382</b>	<b>288.905.440.726</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	9.803.991.911	20.121.815.420	29.925.807.331
Khấu hao trong năm	1.728.127.849	176.196.000	1.904.323.849
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(3.051.472.012)	(454.114.667)	(3.505.586.679)
Thanh lý, nhượng bán	-	(708.000.000)	(708.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.480.647.748</b>	<b>19.135.896.753</b>	<b>27.616.544.501</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<b>276.308.638.759</b>	<b>687.724.962</b>	<b>276.996.363.721</b>
Tại ngày cuối năm	<b>260.853.500.596</b>	<b>435.395.629</b>	<b>261.288.896.225</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 18,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 19,6 tỷ VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	202.957.171.026	9.949.752.641	212.906.923.667
Tăng từ TSCĐ hữu hình	2.651.073.563	-	2.651.073.563
Tăng khác	694.116.408	-	694.116.408
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(97.115.425.669)	(9.949.752.641)	(107.065.178.310)
Phân loại lại nhóm tài sản bất động sản đầu tư	(469.562.845)	-	(469.562.845)
<b>Số cuối năm</b>	<b>108.717.372.483</b>	<b>-</b>	<b>108.717.372.483</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm (Trình bày lại)	36.003.798.409	1.103.173.415	37.106.971.824
Khấu hao trong kỳ	2.951.274.033	502.483.301	3.453.757.334
Tăng từ TSCĐ hữu hình	799.049.123	-	799.049.123
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(14.839.810.900)	(1.162.047.692)	(16.001.858.592)
Phân loại lại nhóm tài sản bất động sản đầu tư	(148.227.256)	-	(148.227.256)
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.766.083.409</b>	<b>443.609.024</b>	<b>25.209.692.433</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	166.953.372.617	8.846.579.226	175.799.951.843
Tại ngày cuối năm	83.951.289.074	(443.609.024)	83.507.680.050

Tổng Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 70,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 73,1 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình, dự án khác	7.922.605.745	2.210.996.386	7.922.605.745	2.210.996.386
	<b>71.643.835.139</b>	<b>25.064.213.539</b>	<b>71.643.835.139</b>	<b>25.064.213.539</b>

**Ghi chú:**

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	10.095.424.390	10.135.424.390
- Xây dựng cơ bản	110.495.251.727	111.537.233.545
Trong đó:		
Dự án Khu công-nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
Các công trình, dự án khác (iii)	7.312.725.466	8.354.707.284
	<b>120.590.676.117</b>	<b>121.672.657.935</b>

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)****Ghi chú (Tiếp theo):**

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 7643/BKHĐT-QLKKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 6161/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng giao các Bộ phối hợp hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 8 tháng 02 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 743/BKHĐT-QLKKT gửi các Bộ xin ý kiến về dự thảo phương án giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tổng Công ty đã có Văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Tổng Công ty cam kết ngay khi được chấp thuận chủ trương tiếp tục được giao làm Chủ đầu tư Dự án, PVC sẽ huy động mọi nguồn lực, tiến hành tổ chức hoạt động đầu tư xây dựng dự án bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất Dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tập đoàn/Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất Dự án?

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

- (iii) Công trình, dự án khác bao gồm (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền 5.719.085.908 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.719.085.908 VND) đã tạm dừng thi công từ nhiều năm trước. Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
						Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ

**Ghi chú:**

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng Công ty và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
								Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	58.050.000.000	58.050.000.000	42%	42%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
10	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	82.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
11	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
			<b>760.449.467.055</b>	<b>760.449.467.055</b>					

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 39.

Thông tin về khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	760.449.467.055	760.449.467.055
(Lỗ) lũy kế từ công ty liên kết	<u>(726.580.104.279)</u>	<u>(726.575.383.321)</u>
	<u>33.869.362.776</u>	<u>33.874.083.734</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %
1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	7,58%	147.300.000.000	147.300.000.000	7,58%
2 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)	23.500.000.000	11.288.806.120	16%	23.500.000.000	11.288.806.120	16%
3 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO) (i)	12.500.000.000	1.488.246.800	2,5%	12.500.000.000	1.488.246.800	2,5%
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn) (i)	3.000.000.000	-	4%	3.000.000.000	-	4%
5 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (i)	2.795.000.000	-	5%	2.795.000.000	-	5%
6 Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (i)	2.500.000.000	-	10%	2.500.000.000	-	10%
7 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (i)	5.400.000.000	5.400.000.000	7%	5.400.000.000	5.400.000.000	7%
8 Các khoản đầu tư dài hạn khác (i)	6.318.000.000	1.221.556.070		6.318.000.000	1.205.427.507	
	<b>203.313.000.000</b>	<b>166.698.608.990</b>		<b>203.313.000.000</b>	<b>166.682.480.427</b>	

**Ghi chú:**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 53 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 49,7 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án Dolphin Plaza (i)	37.100.539.734	37.100.539.734
Dự án chung cư Long Son Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000
	<u>49.997.739.734</u>	<u>49.997.739.734</u>

**Ghi chú:**

- (i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID với tổng giá trị vốn góp khoảng 51,1 tỷ VND. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án “Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội”. Tại ngày 18 tháng 01 năm 2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 với Công ty Cổ phần TID để rút một phần vốn đã góp với giá trị khoảng 14 tỷ VND khỏi dự án. Tỷ lệ tham gia góp vốn của PVC-Đông Đô vào dự án này sau khi rút một phần vốn giảm từ 19% xuống còn 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFCLAND ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m<sup>2</sup> trị giá khoảng 3,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**21. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<u>Lợi thế thương mại</u>
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số đầu năm	44.187.550.926
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(12.579.568.794)
Số cuối năm	<u>31.607.982.132</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số đầu năm	43.208.123.627
Phân bổ trong năm	508.284.301
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(12.579.568.794)
Số cuối năm	<u>31.136.839.134</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số đầu năm	<u>979.427.299</u>
Số cuối năm	<u>471.142.998</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,  
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	920.815.024.388	1.054.255.257.836
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	481.825.479.593	484.890.856.579
Tập đoàn Sojitz	129.431.850.559	132.719.099.414
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	99.995.517.340	22.069.082.919
Cyclotech Engineering Pte Ltd	36.828.871.782	13.410.997.068
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	65.978.955.914	66.855.536.839
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	51.289.907.320
Các khoản khác	1.112.646.839.307	1.241.071.874.464
	<b>3.140.545.442.959</b>	<b>3.359.585.516.515</b>

*Trong đó:*

<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	<b>506.770.581.202</b>	<b>468.556.330.518</b>
--	------------------------	------------------------

**Ghi chú:**

- (i) Thể hiện số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 40).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn.

**23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty TNHH Hoá Dầu Long Sơn	-	95.291.936.043
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.391.415.199	100.508.670.384
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	50.009.054.320	55.740.009.354
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	-	27.036.727
Các đối tượng khác	39.713.911.522	14.176.218.754
	<b>190.114.381.041</b>	<b>265.743.871.262</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải thu/ phải nộp VND	Số đã thu/đã nộp/bù trừ VND	
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	-	-	30.465.765
Thuế xuất nhập khẩu	19.254.703	-	-	19.254.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.368.452.547	-	14.209.089.302	35.159.363.245
Thuế thu nhập cá nhân	535.044.266	184.136.908	632.152.308	87.028.866
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
	<b>49.954.001.001</b>	<b>184.136.908</b>	<b>14.841.241.610</b>	<b>35.296.896.299</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	67.855.833.343	81.220.364.755	59.257.110.228	89.819.087.870
Thuế nhập khẩu	-	454.537.213	454.537.213	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.037.290.046	-	-	5.037.290.046
Thuế thu nhập cá nhân	4.061.832.592	2.495.838.795	2.294.669.665	4.263.001.722
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	20.290.093	80.662.489	100.952.582	-
Tiền thuế đất	4.492.115.504	4.586.606.543	490.269.071	8.588.452.976
Thuế khác	31.630.183.009	8.876.467.785	2.165.070.315	38.341.580.479
	<b>113.097.544.587</b>	<b>97.714.477.580</b>	<b>64.762.609.074</b>	<b>146.049.413.093</b>

**25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(Trình bày lại) VND	(Trình bày lại) VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>593.037.311.868</b>	<b>889.131.926.330</b>
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng	446.506.662.830	639.327.032.541
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn	141.033.336.017	143.627.208.958
Chi phí phải trả khác	5.497.313.021	106.177.684.831
<b>b. Dài hạn</b>	<b>72.686.317.725</b>	<b>72.686.317.725</b>
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng dài hạn	72.686.317.725	72.686.317.725
	<b>665.723.629.593</b>	<b>961.818.244.055</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>(Trình bày lại)</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>538.448.384.266</b>	<b>691.839.166.028</b>
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	-	158.268.480.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	142.089.980.808	133.507.481.108
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	62.796.151.136
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	50.000.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	1.315.311.546	1.540.311.546
Lãi vay phải trả	4.884.181.127	7.505.411.401
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	198.117.666.783	140.278.551.345
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.421.588.636</b>	<b>13.514.977.172</b>
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	-	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1.421.588.636	2.664.976.845
	<u><b>539.869.972.902</b></u>	<u><b>705.354.143.200</b></u>

**Ghi chú:**

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 40.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 28. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn (l)</b>	<b>403.935.299.294</b>	<b>617.028.837.599</b>	<b>787.255.156.695</b>	<b>233.708.980.198</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	180.684.026.306	97.667.530.587	187.146.922.667	91.204.634.226
- Vay tại các công ty con	223.251.272.988	519.361.307.012	600.108.234.028	142.504.345.972
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)</b>	<b>713.649.546.637</b>	<b>12.055.684.621</b>	<b>102.702.263.084</b>	<b>623.002.968.174</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	690.384.585.719	-	96.167.734.330	594.216.851.389
- Vay tại các công ty con	23.264.960.918	12.055.684.621	6.534.528.754	28.786.116.785
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.117.584.845.931</b>	<b>629.084.522.220</b>	<b>889.957.419.779</b>	<b>856.711.948.372</b>

**Ghi chú:**

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	91.204.634.226	180.684.026.306
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	31.791.176.260	55.960.174.396
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	15.884.170.658
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	25.668.690.110	26.059.674.110
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	9.646.914.651
Ngân hàng TMCP Quân đội	70.940.704.570	69.998.728.109
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	14.103.775.032	45.701.611.064
	<b>233.708.980.198</b>	<b>403.935.299.294</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 25.668.690.110 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 41.943.844.768 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn (i)</b>	<b>788.122.631.258</b>	<b>12.055.684.621</b>	<b>114.757.947.705</b>		<b>685.420.368.174</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	690.384.585.719	-	96.167.734.330		594.216.851.389
- Vay tại các Công ty con	97.738.045.539	12.055.684.621	18.590.213.375		91.203.516.785
	<b>788.122.631.258</b>	<b>12.055.684.621</b>	<b>114.757.947.705</b>		<b>685.420.368.174</b>
<i>Trong đó:</i>					
Số phải trả trong vòng 12 tháng	713.649.546.637				623.002.968.174
Số phải trả sau 12 tháng	74.473.084.621				62.417.400.000

**Ghi chú:**

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (*)	594.216.851.389	690.384.585.719
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	90.242.206.873	91.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	4.769.635.723
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	961.309.912	1.468.409.816
	<b>685.420.368.174</b>	<b>788.122.631.258</b>

(\*) Vay dài hạn đến hạn trả tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư gốc vay dài hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 597.716.851.389 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 693.884.585.719 VND). Tổng Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ vay quá hạn nêu trên.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng bằng VND, theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay dài hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo	91.203.516.785	97.738.045.539
Khoản vay tín chấp	594.216.851.389	690.384.585.719
	<b>685.420.368.174</b>	<b>788.122.631.258</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi	91.203.516.785	97.738.045.539
Khoản vay áp dụng lãi suất cố định	594.216.851.389	690.384.585.719
	<u>685.420.368.174</u>	<u>788.122.631.258</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	623.002.968.174	713.649.546.637
Trong năm thứ hai	5.292.400.000	10.973.084.621
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.125.000.000	25.500.000.000
Sau năm năm	38.000.000.000	38.000.000.000
	<u>685.420.368.174</u>	<u>788.122.631.258</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	623.002.968.174	713.649.546.637
Số phải trả sau 12 tháng	<u>62.417.400.000</u>	<u>74.473.084.621</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**29. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.245	(2.862.805.993)	157.678.294.436	2.162.412.232	(3.957.601.514.707)	1.029.292.246.217	1.238.563.627.912
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	72.564.733.893	(29.409.520.744)	43.155.213.149
Tăng/(Giảm) do mất quyền kiểm soát tại PTL	-	-	-	2.833.085.798	(8.448.644.906)	-	5.615.559.109	(432.755.575.926)	(432.755.575.925)
Phân loại lại (Giảm) khác	-	-	-	-	1.629.778.284	-	(2.146.158.105)	-	(516.379.821)
	-	-	-	-	-	-	(47.070.383)	(87.929.617)	(135.000.000)
Số dư cuối năm	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.245	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.881.614.450.193)	567.039.219.930	848.311.885.315

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp kèm theo*

**29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận Xây lắp:	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng:	Kinh doanh nhà và hạ tầng;
Bộ phận dịch vụ và khác:	Cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối năm**

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	6.492.181.426.528	367.378.778.223	827.801.631.503	(247.786.812.418)	7.439.575.023.836
(Lỗ) từ công ty liên kết	(850.535.069.420)	-	-	-	(850.535.069.420)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>6.589.039.954.417</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	5.577.942.726.764	126.370.610.322	448.058.441.375	(411.643.709.360)	5.740.728.069.102
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>5.740.728.069.102</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đầu năm**

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	6.870.572.635.822	586.386.438.786	2.078.732.164.491	(824.875.003.696)	8.710.816.235.403
(Lỗ) từ công ty liên kết	(726.575.383.321)	-	-	-	(726.575.383.321)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>7.984.240.852.082</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	6.097.649.533.718	262.429.922.561	882.078.292.700	(496.480.524.809)	6.745.677.224.170
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>6.745.677.224.170</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,  
 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay:**

	<b>Xây lắp</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng</b>	<b>Dịch vụ và khác</b>	<b>Loại trừ khi hợp nhất</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.913.627.396.421	121.360.959.497	73.516.116.237	(45.994.027.935)	2.062.510.444.220
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.995.549.970.072	171.586.901.684	46.894.359.881	(55.578.461.664)	2.158.452.769.973
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(81.922.573.651)</b>	<b>(50.225.942.187)</b>	<b>26.621.756.356</b>	<b>9.584.433.729</b>	<b>(95.942.325.753)</b>
Chi phí không phân bổ					<b>(17.927.006.518)</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>(113.869.332.271)</b>
Phần lãi trong công ty liên kết					11.978.272.750
Lợi nhuận khác					<b>25.142.119.789</b>
Lãi từ hoạt động tài chính					121.821.039.629
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>					<b>45.072.099.897</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					<b>(1.916.886.748)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>43.155.213.149</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước:**

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.407.281.633.148	54.230.964.888	107.556.370.246	(14.141.554.173)	1.554.927.414.109
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.376.922.019.274	52.652.079.952	152.045.279.298	(16.539.277.270)	1.565.080.101.254
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>30.359.613.874</b>	<b>1.578.884.936</b>	<b>(44.488.909.052)</b>	<b>2.397.723.097</b>	<b>(10.152.687.145)</b>
Chi phí không phân bổ					(181.735.593.986)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>(191.888.281.131)</b>
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(936.879.598)
Lợi nhuận khác					1.604.511.414
Lãi từ hoạt động tài chính					21.128.075.172
<b>(Lỗ) trước thuế</b>					<b>(170.092.574.143)</b>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp					2.636.316.258
<b>(Lỗ) sau thuế</b>					<b>(167.456.257.885)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Miền Bắc	981.034.866.945	310.736.295.527
Miền Trung	11.130.244.641	1.399.949.113
Miền Nam	1.116.339.360.569	1.256.932.723.642
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(45.994.027.935)	(14.141.554.173)
	<b>2.062.510.444.220</b>	<b>1.554.927.414.109</b>

**31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	12.629	916.211
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	11.112.006.001	11.112.006.001

**32. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Hoạt động xây lắp	1.848.719.578.759	1.395.278.698.137
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	121.360.959.497	54.230.964.887
Hoạt động dịch vụ	66.992.623.308	98.502.802.012
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	-	3.448.553.495
Hoạt động khác	25.672.677.656	14.218.324.481
	<b>2.062.745.839.220</b>	<b>1.565.679.343.012</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	235.395.000	10.751.928.903
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.062.510.444.220</b>	<b>1.554.927.414.109</b>

**33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Hoạt động xây lắp	1.947.764.185.179	1.361.523.812.213
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	171.586.901.684	52.652.079.951
Hoạt động dịch vụ	67.654.537.038	75.981.600.605
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	-	6.374.657.918
Hoạt động khác	18.722.722.060	18.462.077.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(47.275.575.988)	50.085.873.427
	<b>2.158.452.769.973</b>	<b>1.565.080.101.254</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.934.598.888	20.423.520.372
Lãi chênh lệch tỷ giá	634.609.507	1.176.339.410
Lãi chuyển nhượng cổ phần, chứng khoán	173.744.682.885	31.390.994.523
Doanh thu hoạt động tài chính khác	51.047.045	262.786.500
	<b>181.364.938.325</b>	<b>53.253.640.805</b>

**35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí lãi vay	49.198.879.391	59.021.773.917
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	16.128.563	(37.208.184.537)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.267.008.276	1.299.897.250
Chi phí tài chính khác	7.061.882.466	9.012.079.003
	<b>59.543.898.696</b>	<b>32.125.565.633</b>

**36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	92.123.855.373	96.716.874.714
Chi phí vật liệu quản lý	1.411.123.461	873.928.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.247.168.491	8.416.584.160
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(131.345.806.840)	11.628.735.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.092.135.981	26.991.137.783
Chi phí bằng tiền khác	23.330.584.052	36.947.138.039
	<b>17.859.060.518</b>	<b>181.574.398.622</b>

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.520.036.961	269.731.712.797
Chi phí nhân công	314.527.784.123	305.702.735.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	65.117.797.114	83.400.282.681
Chi phí dự phòng	(27.601.432.757)	15.665.665.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	936.757.207.621	1.214.441.641.251
	<b>1.421.321.393.062</b>	<b>1.888.942.038.445</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**38. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	72.564.733.893	(97.017.238.322)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
<b>Lãi/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>72.564.733.893</b>	<b>(97.017.238.322)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	399.997.029	399.997.029
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>181</b>	<b>(243)</b>

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	749.298.926.880	237.099.454.444
Bán hàng hóa, dịch vụ cho các công ty liên kết	250.412.837	1.142.802.022
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.518.029.658	19.696.454.685
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty liên kết	3.072.761.473	-
<b>Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>	<b>3.603.386.302</b>	<b>3.858.714.334</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>1.141.763.512</b>	<b>1.410.621.351</b>
Ông Nguyễn Đình Thế	25.968.767	289.541.470
Ông Lương Đình Thành	396.246.532	403.103.233
Ông Nghiêm Quang Huy	374.077.486	390.867.671
Ông Trần Hải Bằng	136.508.000	-
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	-	128.387.727
Ông Phạm Cương	-	128.387.727
Ông Phạm Văn Khánh	208.962.727	70.333.523
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.986.562.926</b>	<b>1.575.921.030</b>
Ông Phan Từ Giang	147.840.455	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	170.332.000	-
Ông Nguyễn Văn Đồng	383.431.065	414.240.258
Ông Nguyễn Đức Đạt	-	176.092.135
Ông Vũ Chí Cường	157.342.524	314.505.830
Ông Nguyễn Trung Trí	406.069.275	472.828.543
Ông Chu Thanh Hải	370.991.066	110.996.090
Ông Bùi Sơn Trường	335.556.542	87.258.174
Ông Vũ Mạnh Quang	15.000.000	-
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>475.059.864</b>	<b>872.171.953</b>
Ông Vũ Trọng Quốc Thịnh	125.377.740	384.613.716
Bà Trần Thị Trang	-	168.096.296
Ông Hứa Xuân Nam	328.082.123	319.461.940
Ông Nguyễn Ngọc Cương	10.800.000	-
Ông Phùng Văn Sỹ	10.800.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>1.818.388.575.334</b>	<b>1.699.048.932.800</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.517.838.587.870	1.356.491.603.101
Các công ty liên kết	208.044.637.540	281.063.106.614
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	92.505.349.924	61.494.223.085
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>249.104.316.632</b>	<b>217.861.568.464</b>
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	42.381.158.784	31.662.216
Các công ty liên kết	206.723.157.848	217.829.906.248
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>139.269.688.367</b>	<b>188.539.408.361</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	.2.778.556.600	2.334.205.219
Các công ty liên kết	134.821.919.533	184.535.990.908
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>360.491.983.598</b>	<b>364.927.286.716</b>
Các công ty liên kết	360.491.983.598	364.927.286.716
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>506.770.581.202</b>	<b>468.556.330.518</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Các công ty liên kết	148.524.398.935	168.761.248.359
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	181.196.617.002	122.745.516.894
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>105.727.087.214</b>	<b>102.838.995.707</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.508.670.384	100.391.415.199
Các công ty liên kết	3.963.315.725	-
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.255.101.105	2.447.580.508
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>118.180.310.158</b>	<b>118.120.717.985</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	62.796.151.136	62.736.151.136
Các công ty liên kết	5.384.159.022	5.384.566.849
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Các khoản vay</b>	<b>115.910.896.983</b>	<b>117.559.674.110</b>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	25.668.690.110	26.059.674.110
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	90.242.206.873	91.500.000.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm VND	Dư nợ vay quá hạn cuối năm VND	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
<b>Tổng</b>			<b>155.046.350.336</b>	<b>155.046.350.336</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)**

(\*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG Công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, PVC-SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC SG có đủ khả năng thanh toán cho Oceanbank.

**b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

**c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

**d) Công nợ tiềm tàng khác**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

**41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020;

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

**b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**42. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố các số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán của công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố	Số sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>				
<b>tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>6.073.641.541.092</b>	<b>1.660.120.720</b>	<b>6.075.301.661.812</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	267.753.910.286	14.500.000.000	282.253.910.286
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	188.202.182.192	(14.500.000.000)	173.702.182.192
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.754.659.284.247	2.262.936.080	2.756.922.220.327
Hàng tồn kho	140	2.718.246.099.027	(770.548.582)	2.717.475.550.445
Tài sản ngắn hạn khác	150	144.780.065.340	167.733.222	144.947.798.562
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.911.028.624.406</b>	<b>(2.089.434.136)</b>	<b>1.908.939.190.270</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	94.832.808.817	(2.478.648.573)	92.354.160.244
Tài sản cố định	220	1.237.234.312.788	-	1.237.234.312.788
Bất động sản đầu tư	230	175.227.261.523	572.690.320	175.799.951.843
Tài sản dở dang dài hạn	240	146.957.326.019	(220.454.545)	146.736.871.474
Đầu tư tài chính dài hạn	250	70.504.603.307	-	70.504.603.307
Tài sản dài hạn khác	260	186.272.311.952	36.978.662	186.309.290.614
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>7.984.670.165.498</b>	<b>(429.313.416)</b>	<b>7.984.240.852.082</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>6.746.145.125.527</b>	<b>(467.901.357)</b>	<b>6.745.677.224.170</b>
Nợ ngắn hạn	310	6.508.234.071.950	382.448.443	6.508.616.520.393
Nợ dài hạn	330	237.911.053.577	(850.349.800)	237.060.703.777
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.238.525.039.971</b>	<b>38.587.941</b>	<b>1.238.563.627.912</b>
Vốn chủ sở hữu	410	1.238.525.039.971	38.587.941	1.238.563.627.912
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>7.984.670.165.498</b>	<b>(429.313.416)</b>	<b>7.984.240.852.082</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.565.290.862.997	388.480.015	1.565.679.343.012
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	1.564.372.728.410	707.372.844	1.565.080.101.254
Doanh thu hoạt động tài chính	21	53.168.098.339	85.542.466	53.253.640.805
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	181.862.436.926	(288.038.304)	181.574.398.622
Chi phí khác	32	18.473.582.152	16.100.000	18.489.682.152
<b>Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>(167.494.845.826)</b>	<b>38.587.941</b>	<b>(167.456.257.885)</b>
<i>Lãi/(Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ</i>	<i>61</i>	<i>(97.029.824.934)</i>	<i>12.586.612</i>	<i>(97.017.238.322)</i>
<i>(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>62</i>	<i>(70.465.020.892)</i>	<i>26.001.329</i>	<i>(70.439.019.563)</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**42. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố	Số sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>				
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020				
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	(170.131.162.084)	38.587.941	(170.092.574.143)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	83.972.973.001	(572.690.320)	83.400.282.681
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	322.798.212.872	275.059.348	323.073.272.220
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(265.326.114.458)	770.548.582	(264.555.565.876)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(153.638.946.838)	(467.901.356)	(154.106.848.194)
(Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	(10.208.429.590)	(43.604.195)	(10.252.033.785)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	110.423.479.626	14.500.000.000	124.923.479.626
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>267.753.910.286</b>	<b>14.500.000.000</b>	<b>282.253.910.286</b>



Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu



Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng



Phạm Tú Giang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022